ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 502/UBND-TC	*Tuy Phước, ngày 02 tháng 6 năm 2016*
V/v xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán vốn đầu tư hoàn thành theo Chỉ thị 27/TTg ngày 27/12/2013.	

Kính gửi:

- UBND các xã, thị trấn;
- Ban Quản lý dự án và Đầu tư xây dựng;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện;
- Kho bạc Nhà nước huyện Tuy Phước.

Căn cứ Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước;

Thực hiện Công văn số 4819/BTC-ĐT ngày 8/4/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 1280/STC-TCĐT ngày 25/4/2016 của Sở Tài chính Bình Định về việc xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014.

UBND huyện đã chỉ đạo các ngành thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn tập trung xử lý dứt điểm tình trạng tồn đọng quyết toán các dự án hoàn thành từ năm 2005 đến năm 2014. Tuy nhiên đến nay, số lượng công trình đã thực hiện quyết toán đối với các dự án thuộc tỉnh phê duyệt, đạt 50% (5/10 công trình), các dự án thuộc UBND huyện phê duyệt, đạt 74% (20/27 công trình), các dự án thuộc UBND xã, thị trấn phê duyệt, đạt 40% (78/194 công trình). *(Trong đó, các xã còn tồn đọng với số lượng nhiều như: Phước Hòa, Phước An, Phước Lộc, Phước Thuận, Phước Thành)*

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Để xử lý dứt điểm các công trình hoàn thành còn tồn đọng chưa được quyết toán từ năm 2005 đến năm 2014 như đã nêu trên, theo đúng quy định của Trung ương, UBND tỉnh. Chủ tịch UBND huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Giao Trưởng phòng Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện chủ trì theo dõi, kiểm tra đôn đốc các ngành thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn khẩn trương thực hiện và tổng hợp báo cáo kết quả cho UBND huyện theo dõi, xử lý.

2. Giao Kho bạc Nhà nước huyện Tuy Phước phối hợp chủ đầu tư cho sao hồ sơ, nhanh chóng đối chiếu, xác nhận số liệu thanh toán của các đơn vị và UBND các xã, thị trấn để đẩy nhanh công tác xử lý tồn đọng hồ sơ chưa quyết toán.

3. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện chỉ đạo nhà thầu, cán bộ sớm hoàn thành việc lập Báo cáo quyết toán. Đối với nhà thầu chậm lên khối lượng đề nghị có văn bản yêu cầu nhà thầu làm thủ tục quyết toán khối lượng hoàn thành, nếu nhà thầu không thực hiện, đề nghị căn cứ vào hồ sơ thực tế để quyết toán;

4. Giao Chủ tịch UBND xã, thị trấn

- Tập trung ưu tiên bố trí kế hoạch vốn hàng năm để trả nợ công trình đã phê duyệt quyết toán và chỉ đạo bộ phận chuyên môn thực hiện quyết toán dự án hoàn thành dứt điểm đến 30/6/2016 (theo số liệu đã thống kê) và nhập dữ liệu vào phần mềm quyết toán vốn đầu tư IS-BIGTIME để việc tổng hợp theo dõi số liệu được nhanh chóng, chính xác;

- Khẩn trương có văn bản đôn đốc, chỉ đạo các nhà thầu lên khối lượng để làm thủ tục quyết toán khối lượng hoàn thành, nếu nhà thầu không thực hiện đề nghị căn cứ vào hồ sơ thực tế để quyết toán;

Nhận được Văn bản này đề nghị Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện ./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Thuận

Biểu mẫu số 01/CT2

Báo cáo kết quả thực hiện Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính Phủ (Số liệu đến ngày 30/04/2016)

(Kèm theo Công văn số 502/UBND-TC ngày 02 /6/2016 của Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước)

Đơn vị tính: 1.000 đồ

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã g Báo cáo quyết toán ch cơ quan thẩm tra như chưa thẩm tra, phê duy quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đ thanh tó
	TỔNG CỘNG	**89**	**132.256.913**	**129**	**78.998.035**	**98**	**34.977.387**	**30**	**39.661.160**	**1**	**4.827.01**
I	**Dự án thuộc cấp tỉnh phê duyệt**	**11**	**100.452.243**	**5**	**35.597.064**	**0**	**0**	**4**	**30.770.054**	**1**	**4.827.01**
1	Cấp nước ngọt nuôi tôm Phước Sơn, Phước Thuận			1	6.586.372			1	6.586.372		
2	Di dân dân vùng ngập lũ Quãng Vân			1	5.742.563			1	5.742.563		
3	Đê sông Gò Chàm (đoạn TL đập dâng Hạ Bạc)			1	6.852.061			1	6.852.061		
4	Đê Ban Xoài, An Thuận			1	4.827.010					1	4.827.01
5	Cấp nước ngọt nuôi tôm Phước Sơn, Phước Hòa			1	11.589.058			1	11.589.058		
1	**Dự án thuộc cấp huyện, thị xã, thành phố phê duyệt**	**5**	**20.555.016**	**8**	**23.453.768**	**2**	**16.671.099**	**6**	**6.782.669**	**0**	
	NĂM 2007	**3**	**19.756.122**	**3**	**19.756.122**	**2**	**16.671.099**	**1**	**3.085.023**	**0**	
1	HT điện cầu Ô. Đô - cầu Gành			1	580.000	1	580.000				
2	CSHT Cụm CN Phước An			1	3.085.023			1	3.085.023		
3	CSHT KDC trước NMXM Diêu Trì			1	16.091.099	1	16.091.099				
	NĂM 2008	**2**	**798.894**	**3**	**3.058.894**	**0**	**0**	**3**	**3.058.894**	**0**	**0**

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã Báo cáo quyết toán cl cơ quan thẩm tra nhu chưa thẩm tra, phê du quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền thanh tc
1	HT đường GT CCN Phước An							1	2.260.000		
2	Trường TH số 1 TT.Tuy Phước (2P)			1	251.361			1	251.361		
3	Nhà công vụ trường THCS PThắng			1	547.533			1	547.533		
	NĂM 2009	**0**	**0**	**2**	**638.752**	**0**	**0**	**2**	**638.752**	**0**	**0**
1	Trường mẫu giáo Phước Thuận			1	426.752			1	426.752		
2	Trường mẫu giáo Phước Hiệp			1	212.000			1	212.000		
	NĂM 2010	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	NĂM 2011	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	NĂM 2012	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	NĂM 2013	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
III	**Dự án thuộc cấp xã, phường, thị trấn phê duyệt**	**73**	**11.249.654**	**116**	**19.947.203**	**96**	**18.306.288**	**20**	**2.108.437**	**0**	**0**
	Xã Phước Quang	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Xã Phước Hiệp	**5**	**668.639**	**1**	**187.706**	**1**	**187.706**				
1	Đường đi nội bộ trong khu qui hoạch dân cư trước nhà thờ Lục Lễ			1	187.706	1	187.706				
	UBND xã Phước Thắng	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-**	**0**	**0**	**0**	
	UBND xã Phước Nghĩa	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**-**	**0**	**0**	**0**	
	UBND xã Phước An	**24**	**5.736.657**	**34**	**6.136.684**	**34**	**6.136.684**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Trường mẫu giáo thôn Đại Hội					1	63.738				
2	Trường mẫu giáo thôn Quy Hội					1	68.787				
3	Trường mẫu giáo thôn NT1					1	62.199				
4	Hội trường nhà truyền thống					1	968.448				
5	Tường rào, cổng ngõ trường đúc					1	137.157				

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã Báo cáo quyết toán cl cơ quan thẩm tra nhu chưa thẩm tra, phê du quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền thanh to
6	BT tuyến cổng làng QH-cầu Ong Giảng					1	143.222				
7	BT tuyến ngõ Tiến - giáp đường mới					1	374.299				
8	Sân bê tông, nhà để xe trạm y tế					1	50.856				
9	Nghĩa trang liệt sỹ					1	237.359				
10	Cầu Ong Gấm					1	487.104				
11	Lát khung taluy từ cầu cả bộ đến giếng quảng					1	105.337				
12	Tường rào, cổng ngõ thôn AS					1	32.099				
13	Tường rào, cổng ngõ thôn ĐH					1	32.361				
14	Tường rào, cổng ngõ thôn AH2					1	20.750				
15	Tường rào, cổng ngõ thôn TH					1	19.554				
16	Tường rào, cổng ngõ thôn AH1					1	43.794				
17	Tường rào, cổng ngõ thôn QH					1	28.751				
18	Tường rào, cổng ngõ thôn NT1					1	27.994				
19	Bt tuyến 638 đến công ty Thế Vũ					1	559.947				
20	Tường rào trường TH số 2 Phước An					1	179.088				
21	Kênh mương bê tông tuyến Ngọc Thạnh 1					1	658.361				
22	Nâng cấp đường Nguyễn Bảo					1	65.633				
23	Nhà tưởng niệm Nghĩa trang liệt sỹ					1	249.220				
24	Mở rộng đường từ ngõ đoàn ảnh đến nghĩa địa thôn AH2					1	44.229				
25	Rãnh thoát nước mặt khu vực cầu Quán trác					1	20.705				
26	Xây tràn, cống nghĩa địa thôn An Sơn					1	50.396				
27	Sân bóng chuyền thôn NT2					1	30.452				
28	Sân bóng chuyền thôn ĐH					1	30.452				
29	Vét mương tiêu úng HTXNN2,3					1	375.770				
30	Sửa chữa nhà làm việc ủy ban					1	104.854				
31	Khắc phục kiến cố BT tuyến ngõ Phụng đến cầu cây Duối					1	625.071				
32	BT đường Vũng Thầy Hạ thôn Ngọc Thạnh 1					1	15.490				

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã g Báo cáo quyết toán ch cơ quan thẩm tra như chưa thẩm tra, phê duy quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đ thanh to
33	Tường rào, cổng ngõ Trường MG thôn An Hòa 1					1	27.484				
34	Loa Đài Truyền thanh xã Phước An					1	195.723				
	UBND TT Diêu Trì	-	-	1	0	1	467.522	0	0	0	0
1	Di chuyển đường dây trung thế qua khu quy hoạch TTDT					1	467.522				
	UBND xã Phước Lộc	10	933.270	10	933.270	10	933.270	0	0	0	
1	XD trụ sở thôn Hanh Quang			1	29.903	1	29.903				
2	XD trụ sở thôn Vĩnh HY			1	51.688	1	51.688				
3	XD tường rào, nhà xe, sân bê tông trụ sở UBND xã			1	183.029	1	183.029				
4	Nâng mặt bằng trụ sở UBND xã			1	178.918	1	178.918				
5	XD cống qua kênh N24 Trung Thành			1	29.868	1	29.868				
6	Sửa chữa Nghĩa trang Liệt sĩ			1	79.847	1	79.847				
7	San nền trường trung học cơ sở			1	179.580	1	179.580				
8	Mương thoát nước sân vận động			1	107.000	1	107.000				
9	Nâng mặt bằng trường TH số 2 Phước Lộc (PH Phú Mỹ 1)			1	65.687	1	65.687				
10	Nhà vệ sinh trụ sở thôn Phong Tấn			1	27.750	1	27.750				
	UBND TT Tuy Phước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
	UBND xã Phước Thuận	3	231.448	7	3.878.135	7	3.878.135	0	0	0	0
1	Bê tông xi măng tuyến Tuần Yến - Chợ Lẫm					1	47.000				
2	Bê tông xi măng tuyến Lộc An - Lộc Ninh					1	539.251				
3	Quy hoạch trung tâm cụm xã					1	137.448				
4	Xây dựng trụ sở UBND xã Phước Thuận					1	2.957.515				
5	Xây dựng tường rào Trường tiểu học số 3 Phước Thuận					1	88.414				

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã g Báo cáo quyết toán ch cơ quan thẩm tra như chưa thẩm tra, phê duy quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền thanh to
6	Xây dựng tường rào Trường tiểu học số 2 Phước Thuận					1					
7	Xây dựng Đài truyền thanh không dây					1	108.507				
	UBND xã Phước Hòa	**25**	**3.536.409**	**57**	**8.561.177**	**37**	**6.452.740**	**20**	**2.108.437**	**0**	**0**
	Năm 2005	**0**	**0**	**7**	**734.333**	**7**	**734.333**				
1	Trụ sở thôn Kim Xuyên			1	38.024	1	38.024				
2	Trụ sở thôn Kim Tây			1	36.531	1	36.531				
3	Tường rào, cổng ngõ, sân bê tông UBND xã			1	61.561	1	61.561				
4	Bê tông chợ Gò Bồi			1	160.212	1	160.212				
5	Công trình điện chiếu sáng công cộng			1	194.681	1	194.681				
6	Đền bù giải phóng mặt bằng qui hoạch Khu dân cư			1	161.381	1	161.381				
7	Trường Mẫu Giáo Tân Giản			1	81.943	1	81.943				
	Năm 2006	**0**	**0**	**9**	**930.617**	**9**	**930.617**				
8	Nhà trú an toàn thôn Huỳnh Giản			1	84.899	1	84.899				
9	Mở rộng tuyến ống cấp nước sinh hoạt			1	135.692	1	135.692				
10	Gia cố mái ta luy đường GT Kim Xuyên			1	45.903	1	45.903				
11	Đường BTXM tuyến quy hoạch			1	37.762	1	37.762				
12	Gia cố mái taluy đường GT 640-Bình Lâm			1	84.079	1	84.079				
13	Đường dây 0,4 KV các hồ nuôi tôm			1	136.601	1	136.601				
14	Di dời dường dây 22KV xã Phước Hoà			1	67.138	1	67.138				
15	GPMB Xây dựng trường THPT			1	147.567	1	147.567				
16	Qui hoạch khu dân cư năm 2005			1	190.976	1	190.976				
	Năm 2007	**0**	**0**	**7**	**2.468.875**	**7**	**2.468.875**				
17	Nâng mặt bằng khu QHDC xã Phước Hoà			1	199.604	1	199.604				
18	XD KCHKM cấp 3 xã Phước Hoà (đoạn 2)			1	613.803	1	613.803				
19	XD KCHKM cấp 3 xã Phước Hoà (đoạn 3)			1	574.310	1	574.310				
20	Đường dây 0,4Kv KDC xã Phước Hoà			1	44.766	1	44.766				
21	Tràn kết hợp giao thông Tắc Ông Tiêu			1	892.748	1	892.748				

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã g Báo cáo quyết toán ch cơ quan thẩm tra như chưa thẩm tra, phê duy quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền thanh to
22	Trụ sở thôn Tùng Giản			1	67.966	1	67.966				
23	Nhà bia tưởng niệm Tân Giản			1	75.678	1	75.678				
	Năm 2008	**0**	**0**	**4**	**638.989**	**4**	**638.989**				
24	Thư viện Trường Hòa Thắng			1	269.790	1	269.790				
25	BTXM làng nghề Bánh tráng Kim Tây			1	177.440	1	177.440				
26	Trụ sở thôn Huỳnh Giản Nam			1	146.022	1	146.022				
27	Cải tạo cát bồi thôn Kim Đông			1	45.737	1	45.737				
	Năm 2009	**0**	**0**	**4**	**769.040**	**4**	**769.040**				
28	Cải tạo cát bồi Bắc Nha Phu			1	125.901	1	125.901				
29	Trụ sở thôn Tân Giản			1	144.685	1	144.685				
30	Đường BTXM tuyến đội 13			1	304.488	1	304.488				
31	Tường rào cổng ngõ trường THCS			1	193.966	1	193.966				
	Năm 2010	**0**	**0**	**7**	**1.351.671**	**2**	**273.509**	**5**	**1.078.162**		
32	Tu sửa, nâng cấp mộ NTLS			1	439.995			1	439.995		
33	Cải tạo cát sa bồi Hữu Thành, Kim Đông			1	212.846	1	212.846				
34	Gia cố mái taluy tuyến 640 đi Bình Lâm			1	261.650			1	261.650		
35	Trụ sở thôn Bình Lâm			1	136.461			1	136.461		
36	Đê Bà Trứ - Bình lâm			1	124.766			1	124.766		
37	BTXM đường vào Làng nghề bánh tráng K.Tây			1	115.290			1	115.290		
38	Mua, lắp đặt thiết bị Đài TT			1	60.663	1	60.663				
	Năm 2011	**0**	**0**	**5**	**727.859**	**4**	**637.377**	**1**	**90.482**		
39	Gia cố đê Huỳnh Giản Nam			1	321.691	1	321.691				
40	Cải tạo cát sa bồi và gia cố tràn Ba bồ Kim Đông			1	197.886	1	197.886				
41	BTXM GTNT tuyến Kim Xuyên			1	68.160	1	68.160				
42	Tường rào cổng ngõ Trường TH số 2			1	90.482			1	90.482		

	Cấp quản lý	Số liệu dự án còn tồn đến ngày 31/12/2015		Tổng số dự án còn tồn hiện nay (số liệu đến ngày 30/4/2016)		Dự án hoàn thành chưa lập Báo cáo quyết toán		Dự án hoàn thành đã lập Báo cáo quyết toán nhưng chưa gửi cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán		Dự án hoàn thành đã g Báo cáo quyết toán ch cơ quan thẩm tra như chưa thẩm tra, phê duy quyết toán	
		I		II=1+2+3		1		2		3	
		Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền đã thanh toán	Số dự án	Số tiền thanh to
43	Tường rào cổng ngõ Trường TH số 1 cụm Bình Lâm			1	49.640	1	49.640				
	Năm 2012	**0**	**0**	**1**	**164.282**			**1**	**164.282**		
44	Cầu Huỳnh Đông thôn Huỳnh Giản Nam			1	164.282			1	164.282		
	Năm 2013	**0**	**0**	**13**	**775.511**			**13**	**775.511**		
45	Tường rào, cổng ngõ trường TH số 1			1	192.235			1	192.235		
46	Khắc phục Cầu Huỳnh Đông 2012			1	188.427			1	188.427		
47	Khắc phục Cầu Huỳnh Đông 2013			1	200.250			1	200.250		
48	BTXM GTNT Xóm Thành Hạ			1	15.956			1	15.956		
49	BTXM GTNT Xóm Trì Bình, Trì Bỗng			1	23.356			1	23.356		
50	BTXM GTNT Xóm Gò Miếu			1	16.338			1	16.338		
51	BTXM GTNT Xóm Trì Bỗng			1	27.206			1	27.206		
52	BTXM GTNT Xóm Tân Trung, Bắc Bửu			1	21.893			1	21.893		
53	BTXM GTNT Xóm Bảo An			1	27.933			1	27.933		
54	BTXM GTNT Xóm Tân Cường			1	18.483			1	18.483		
55	BTXM GTNT Xóm Đội 9 Kim Tây			1	15.300			1	15.300		
56	BTXM GTNT Xóm Đội 11 Kim Tây			1	9.065			1	9.065		
57	BTXM GTNT Xóm Đội 12 Kim Tây			1	19.069			1	19.069		
	UBND xã Phước Thành	**6**	**250.231**	**6**	**250.231**	**6**	**250.231**				
1	Tường rào trường THCS			1	50.818	1	50.818				
2	Tường rào trường TH số 2			1	45.502	1	45.502				
3	Bồi thường GPMB trường THCS			1	98.589	1	98.589				
4	Bê tông lối đi trường TH số 1			1	6.442	1	6.442				
5	Nâng cấp GTNT thôn Cảnh An 1			1	21.780	1	21.780				
6	Bồi thường GPMB chợ An Trạch			1	27.100	1	27.100				